

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 31-3-2025.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch.

Ông Đinh Xuân Dâu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 958/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2025** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trung Hải N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/9/2024 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trung Hải N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 20 tháng 02 năm 2006. Việc kết hôn do bà và

ông N đều tự nguyện. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông N đã sống ly thân từ 08/2024 đến nay. Hiện bà T xác định không còn tình cảm với ông N, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trung Hỷ B, sinh ngày 17/12/2005, cháu Trung Ngọc M, sinh ngày 05/05/2012 và Trung Thiên H, sinh ngày 25/06/2019. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là Trung Ngọc M, sinh ngày 05/05/2012 và Trung Thiên H, sinh ngày 25/06/2019. Tạm thời không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trung Hỷ B đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trung Hải N không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trung Ngọc M, sinh ngày 05/05/2012 và Trung Thiên H, sinh ngày 25/06/2019, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Trung Hải N và tranh chấp nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn ông Trung Hải N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Trung Hải N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn

phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt còn ông N thì vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trung Hải N xây dựng gia đình với nhau 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 20 tháng 02 năm 2006 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông N với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 08/2024 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Tòa án cũng đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập ông N đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng ông N cũng không đến Tòa án làm việc. Chứng tỏ ông N cũng bỏ mặc hôn nhân và không có nguyện vọng đoàn tụ với bà T. Do đó, xác định bà T và ông N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có 03 con chung là cháu Trung Hỷ B, sinh ngày 17/12/2005 (đã thành niên và có khả năng lao động), cháu Trung Ngọc M, sinh ngày 05/05/2012 và Trung Thiên H, sinh ngày 25/06/2019. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Ngọc M và Thiên H. Xét thời gian qua bà T nuôi con tốt, ông N không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung của bà T tại địa phương. Đồng thời qua tham khảo ý kiến của cháu M thì cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Trung Ngọc M và Trung Thiên H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T nuôi con không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trung Hải N.

Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trung Hải N.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Trung Ngọc M, sinh ngày 05/05/2012 và Trung Thiên H, sinh ngày 25/06/2019 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông Trung Hải N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trung Hải N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016973 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

3. Bà T và ông N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Trảng Bom (1);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom (1);
- **UBND xã Sông Thao;**
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân D – Đ

Bùi Thị Bích H1